

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM
KHOA TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

Chủ biên: **T.S** Nguyễn Kim Quyển
T.S Lê Quang Cường
Đặng Thị Bạch Vân

BÀI TẬP VÀ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THUẾ

LỜI NÓI ĐẦU

Quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy ở bậc đại học lấy người học **làm** trung tâm **là quá trình** sinh viên thay đổi phương pháp học tập của mình từ thụ động sang chủ động, tự học là chính. Nhằm đáp ứng nhu cầu tự học của sinh viên và để gắn kết giữa luật thuế **với với** thực tiễn, bộ môn Thuế – Khoa Tài Chính Nhà Nước đã tổ chức biên soạn tài liệu **“Bài tập và câu hỏi trắc nghiệm môn Thuế”**. Tài liệu này hệ thống hóa bài tập, câu hỏi trắc nghiệm theo từng sắc thuế phổ biến ở Việt Nam giúp người đọc dễ theo dõi.

Tham gia biên soạn tài liệu này gồm có:

- Tiến sỹ Nguyễn Kim Quyên, chủ biên.
- Tiến sỹ Lê Quang Cường, thành viên.
- Cử nhân Đặng Thị Bạch Vân, thành viên.

Hệ thống chính sách thuế của Việt Nam đang trong quá trình cải cách nên thường thay đổi, vì vậy trong quá trình biên soạn sẽ khó tránh khỏi thiếu sót. Tập thể tác giả kính mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc để lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

Đóng góp ý kiến vui lòng gửi về địa chỉ: kimquyen@ueh.edu.vn

Tập thể tác giả

Mục lục

Lời nói đầu

Phần I: Bài tập tự luận	5
- Thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu	6
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	18
- Thuế Giá trị gia tăng	31
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	60
Phần II: Câu hỏi trắc nghiệm	145
- Tổng quan về thuế	145
- Thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu	149
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	173
- Thuế Giá trị gia tăng	195
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	258
- Thuế Thu nhập cá nhân	315

PHẦN I BÀI TẬP TỰ LUẬN

THUẾ XUẤT KHẨU THUẾ NHẬP KHẨU

Bài tập 1: Trích tài liệu của doanh nghiệp xuất nhập khẩu X, trong tháng có tình hình sau:

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU:

1. Xuất khẩu 50.000 SP C, giá bán tại cửa khẩu nhập theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương là 79,2 USD/SP (giá CIF), I & F chiếm 10% giá FOB.
2. Nhận xuất khẩu ủy thác 50.000 SP D, giá bán tại cửa khẩu xuất theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương là 60 USD/SP (giá FOB), hoa hồng xuất khẩu ủy thác là 2% trên giá bán.
3. Xuất khẩu 10.000 SP C cho một doanh nghiệp trong khu chế xuất để doanh nghiệp này dùng làm nguyên liệu sản xuất, giá bán theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương tại cửa khẩu khu chế xuất 20 USD/SP.

II. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU:

1. Nhập khẩu 80.000 SP A, giá mua tại cửa khẩu xuất theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương là 30 USD/SP (giá FOB), I & F chiếm 10% trên giá mua tại cửa khẩu xuất.
2. Nhập khẩu 1 Ô tô mới, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương là 15.000 USD (giá CIF), doanh nghiệp thanh toán chậm sau 6 tháng nên phải thanh toán thêm tiền lãi trả chậm, hợp đồng ghi rõ tiền lãi trả chậm là 1%/tháng (lãi đơn).
3. Nhập khẩu 1 Ô tô 4 chỗ đã qua sử dụng, dung tích Xilanh 2.300 cm³, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam là 10.000 USD.
4. Nhận nhập khẩu ủy thác 30.000 SP E, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương là 40 USD/SP (giá CIF), hoa hồng ủy thác là 2% trên giá mua.
5. Nhập khẩu 1.000 SP B từ một doanh nghiệp trong khu chế xuất, giá mua tại cửa khẩu khu chế xuất theo hóa đơn thương mại và hợp đồng là 30 USD/SP.

Yêu cầu: Xác định thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu doanh nghiệp X phải nộp?

Tài liệu bổ sung:

- Hoạt động xuất nhập khẩu có hợp đồng ngoại thương, chứng từ hợp lệ, thanh toán qua ngân hàng.
- Các sản phẩm nhập khẩu có xuất xứ từ những nước đã ký hiệp định ưu đãi về thuế nhập khẩu với Việt Nam.
- Thuế suất thuế nhập khẩu theo biểu thuế ưu đãi:
 - + Xe Ô tô: 83%
 - + Sản phẩm E: 5%
 - + Sản phẩm A: 25%
 - + Sản phẩm B: 20%

- Thuế suất thuế xuất khẩu theo biểu thuế: sản phẩm C, D: 1%.
- Thuế tuyệt đối Ôtô đã qua sử dụng là 17.000 USD/xe.
- Tỷ giá hối đoái tính thuế: 17.000 VND/USD.

Bài tập 2: Trích tài liệu của Công ty xuất nhập khẩu X, trong năm có tình hình như sau:

1. Nhập khẩu 200.000 mét nguyên liệu A để sản xuất hàng xuất khẩu, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương quy ra tiền Việt Nam 40.000 đ/m (giá CIF). Công ty X dùng toàn bộ số nguyên liệu A nhập khẩu này để sản xuất được 100.000 SP B. Trong thời hạn nộp thuế nhập khẩu của nguyên liệu A, Công ty X đã xuất khẩu được 90.000 SP B với giá bán tại cửa khẩu Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương quy ra tiền Việt Nam là 240.000 đ/SP (giá FOB), số sản phẩm còn lại Công ty X đã bán trong nước với giá chưa thuế GTGT là 200.000 đ/SP.

2. Nhập khẩu 40 tấn nguyên liệu C để gia công thành sản phẩm D cho nước ngoài. Công ty X dùng toàn bộ 40 tấn nguyên liệu C để sản xuất được 100.000 SP D. Đến ngày giao hàng, Công ty X chỉ xuất trả cho phía nước ngoài 95.000 SP D, 5.000 SP D còn lại do không đúng quy cách nên phía nước ngoài không nhận, Công ty X đã bán 5.000 sản phẩm D này trong nước với giá bán chưa thuế GTGT là 290.000 đ/SP. Công ty X và phía nước ngoài đã thỏa thuận là Công ty X sẽ mua lại toàn bộ nguyên liệu đã dùng để sản xuất 5.000 SP D không đúng quy cách, giá thỏa thuận quy ra tiền Việt Nam là 40.000 đ/kg (giá CIF).

3. Nhập khẩu 60 tấn nguyên liệu E để sản xuất sản phẩm xuất khẩu, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương quy ra tiền Việt Nam là 160.000 đ/kg (giá CIF). Công ty X dùng toàn bộ số nguyên liệu E nhập khẩu này để sản xuất được 160.000 SP F. Trong thời hạn nộp thuế nhập khẩu của nguyên liệu E, Công ty X đã xuất khẩu được 100.000 SP F với giá bán tại cửa khẩu Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương quy ra tiền Việt Nam là 300.000 đ/SP (giá FOB). Khi đã hết thời gian nộp thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu E Công ty X đã nộp thuế nhập khẩu đầy đủ, sau đó Công ty X xuất khẩu thêm 60.000 SP F còn lại với giá bán tại cửa khẩu Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương quy ra tiền Việt Nam là 310.000 đ/SP (giá FOB), tuy nhiên trong số 60.000 SP F xuất khẩu này có 1.000 SP do không đúng quy cách đã bị trả về; số sản phẩm F bị trả về Công ty X đã bán trong nước với giá chưa thuế GTGT là 280.000 đ/SP.

Yêu cầu: Tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của công ty X phải nộp, thuế được hoàn?

Tài liệu bổ sung:

- Các trường hợp xuất nhập khẩu đều có hợp đồng, chứng từ hợp lệ, thanh toán qua ngân hàng.
- Các sản phẩm nhập khẩu có xuất xứ từ những nước đã ký hiệp định ưu đãi về thuế nhập khẩu với Việt Nam.
- Thuế suất thuế nhập khẩu theo biểu thuế ưu đãi: nguyên liệu A 5%, nguyên liệu C 10%, nguyên liệu E 20%.
- Thuế suất thuế xuất khẩu sản phẩm B, D, F: 1%.

Bài tập 3: Trích tài liệu của Công ty BT, trong tháng có tình hình xuất nhập khẩu như sau:

I. TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU:

1. Nhập khẩu 10 xe ô tô 04 chỗ ngồi xuất xứ Nhật Bản, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán tính theo giá FOB là 20.000 USD/Xe, phí vận tải (F) chiếm 15% giá FOB, phí bảo hiểm (I) chiếm 0,3% giá (FOB + F). Thuế suất thuế nhập khẩu 83%.

2. Nhập khẩu 200 máy rửa chén, thuế suất thuế nhập khẩu 40%, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán tính theo giá FOB là 500 USD/máy, phí vận tải (F) là 20 USD/máy, công ty không mua phí bảo hiểm hàng hóa (I).

3. Nhập khẩu 05 container linh kiện lắp ráp động cơ ô tô, mỗi container chứa 1.200 đơn vị hàng hóa, thuế suất thuế nhập khẩu 30%, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán tính theo giá CIF là 300 USD/đơn vị (đã bao gồm lãi suất trả chậm), lãi suất trả chậm lô hàng trong vòng 06 tháng là 12.000 USD (lãi đơn).

4. Nhập khẩu 20 xe ô tô 04 chỗ ngồi xuất xứ Nhật Bản kèm theo phụ tùng bảo hành, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán tính theo giá CIF là 28.500 USD/Xe (chưa kể phụ tùng bảo hành). Toàn bộ giá trị phụ tùng bảo hành của xe ô tô gửi kèm theo được hải quan xác định theo giá tính thuế của mặt hàng nhập khẩu giống hệt trên thị trường là 5.400 USD. Thuế suất thuế nhập khẩu mặt hàng ô tô 83%, thuế suất thuế nhập khẩu của phụ tùng bảo hành xe ô tô là 25%.

5. Tạm nhập tái xuất 200.000 lít xăng A92, khi hết thời hạn tạm nhập-tái xuất, Công ty BT chỉ tái xuất ra khỏi Việt Nam 180.000 lít xăng A92 tạm nhập. Biết giá tính thuế nhập khẩu của mặt hàng xăng A92 nhập khẩu giống hệt thời điểm này hải quan đã áp dụng cho các doanh nghiệp nhập khẩu xăng A92 là 0,4 USD/Lít, thuế suất thuế nhập khẩu 20%.

6. Tạm nhập tái xuất 200.000 lít xăng A92, trong thời hạn tạm nhập tái xuất đơn vị chỉ xuất ra khỏi Việt Nam 100.000 lít xăng A92 tạm nhập. Khi đã hết thời hạn tạm nhập, Công ty BT đã nộp thuế nhập khẩu đầy đủ. Sau đó, Công ty BT tiếp tục tái xuất 100.000 lít xăng A92 còn lại. Biết giá tính thuế nhập khẩu của mặt hàng xăng A92 nhập khẩu giống hệt hải quan áp dụng cho các doanh nghiệp nhập khẩu xăng A92 thời điểm này là 0,4 USD/Lít, thuế suất thuế nhập khẩu 20%.

7. Nhập khẩu 02 container nước khoáng có gas, mỗi container chứa 2.000 đơn vị hàng hóa, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán tính theo giá CIF là 2 USD/đơn vị, thuế suất thuế nhập khẩu 50%. Ngoài số lượng đơn vị hàng hóa nhập khẩu đã nêu trên, bên xuất khẩu có gửi kèm 300 đơn vị hàng hóa làm mẫu sử dụng thử không thu tiền của bên nhập khẩu (được thỏa thuận trong hợp đồng mua bán).

8. Nhập khẩu 02 container nước khoáng có gas, theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu và hợp đồng mua bán ngoại thương mỗi container chứa 2.000 đơn vị hàng hóa, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua ngoại thương tính theo giá CIF là 2 USD/đơn vị. thuế suất thuế nhập khẩu 50%. Khi kiểm hàng, hải quan kiểm hóa đã phát hiện thiếu 200 đơn vị hàng hóa,

9. Nhập khẩu 03 container nước khoáng có ga, theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu và hợp đồng mua bán mỗi container chứa 2.000 đơn vị hàng hóa, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán tính theo giá CIF là 2 USD/đơn vị. thuế suất thuế nhập khẩu 50%. Khi kiểm hàng, hải quan kiểm hóa đã phát hiện thừa 50 đơn vị hàng hóa.

10. Nhập khẩu 02 container nước khoáng có gas, theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu và hợp đồng mua bán mỗi container chứa 2.000 đơn vị hàng hóa, giá nhập khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán

tính theo giá CFR là 5 USD/đơn vị. thuế suất thuế nhập khẩu 50%. Tuy nhiên, khi nhận hàng Công ty BT phát hiện 500 đơn vị hàng bị hỏng, Công ty BT không nhận mua số hàng hỏng này, tái xuất trả lại ngay cho bên xuất khẩu có văn bản xác nhận của bên xuất khẩu.

II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU:

1. Xuất khẩu 100 tấn quặng B, giá xuất khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán ngoại thương theo giá CIF 500 USD/Tấn, phí vận tải (F) 60 USD/Tấn, phí bảo hiểm hàng hóa 6 USD/Tấn. Thuế suất thuế xuất khẩu 25%.

2. Tạm xuất tái nhập 200 tấn quặng B, thuế suất thuế xuất khẩu 25%, quá thời hạn tạm xuất công ty chỉ tái nhập lại 100 tấn quặng B, giá tính thuế xuất khẩu của quặng B được hải quan áp dụng tại cùng thời điểm tạm xuất trên thị trường là 440 USD/Tấn.

3. Tạm xuất tái nhập 200 tấn quặng B, thuế suất thuế xuất khẩu 25%, thời hạn tạm xuất 15 ngày. Tính đến ngày 16 Công ty BT chỉ tái nhập 100 tấn quặng B, giá tính thuế xuất khẩu của quặng B được hải quan áp dụng tại cùng thời điểm tái nhập trên thị trường là 440 USD/Tấn, đến ngày thứ 30 Công ty BT đã tái nhập 100 tấn quặng B còn lại về Việt Nam.

4. Xuất khẩu 300.000 tấn gỗ rừng tự nhiên chưa chế biến, giá xuất khẩu ghi trên hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán theo giá CIF 5.000 USD/Tấn, phí vận tải (F) 50 USD/Tấn, công ty không mua phí bảo hiểm lô hàng này. Thuế suất thuế xuất khẩu 25%.

5. Xuất khẩu 10 container quần áo, mỗi container chứa 20.000 đơn vị hàng hóa, giá FOB 5 USD/Tấn. Thuế suất thuế xuất khẩu 0%.

Yêu cầu: Tính thuế xuất khẩu và nhập khẩu Công ty BT phải nộp?

Tài liệu bổ sung:

- Hoạt động xuất nhập khẩu có hợp đồng ngoại thương, chứng từ hợp lệ, thanh toán qua ngân hàng.
- Xuất, nhập khẩu bằng phương tiện tàu biển.
- Tỷ giá hối đoái tính thuế 17.000 VND/USD.

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Bài tập 4: Trích tài liệu tại doanh nghiệp X chuyên sản xuất rượu dưới 20 độ, trong tháng 6.200n có tình hình tiêu thụ rượu do đơn vị sản xuất như sau:

1. Bán cho công ty thương mại 6.000 chai rượu, giá bán chưa thuế GTGT: 23.400 đ/chai, theo hợp đồng công ty thương mại sẽ thanh toán tiền vào tháng 8.200n.
2. Dùng 1.000 chai rượu để trao đổi với doanh nghiệp B để lấy nguyên liệu, đồng thời tặng 50 chai rượu cho doanh nghiệp B.
3. Trực tiếp bán lẻ 2.000 chai rượu, giá bán chưa thuế GTGT: 25.200 đ/chai.
4. Giao đại lý 4.000 chai rượu, đại lý bán đúng giá theo hợp đồng với doanh nghiệp X theo giá chưa bao gồm thuế GTGT là 24.000 đ/chai; hoa hồng cho đại lý 10% trên giá bán chưa thuế GTGT.
5. Xuất khẩu trực tiếp 5.000 chai rượu, giá bán tại cửa khẩu Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán quy ra tiền Việt Nam: 30.000 đ/chai (giá FOB).
6. Bán 800 chai rượu cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp với giá bán chưa thuế GTGT: 24.600 đ/chai.
7. Thu tiền bán 2.000 chai rượu của tháng trước: 55 trđ (trong đó thuế GTGT đầu ra 5 trđ)

Yêu cầu: Xác định thuế TTĐB doanh nghiệp X phải nộp trong tháng 6.200n?

Tài liệu bổ sung:

- Cuối tháng 6.200n, đại lý quyết toán đã tiêu thụ được 90% số lượng rượu được giao và số lượng rượu còn thừa đại lý đã xuất trả cho doanh nghiệp X.
- Thuế suất thuế TTĐB của rượu dưới 20 độ là 25%.
- Giá thành vỏ chai 2.000 đ/vỏ.

Bài tập 5: Công ty sản xuất rượu ABC có các hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

1. Mua rượu 40 độ của C.ty sản xuất rượu Chợ Lớn: 10.000 lít với giá chưa thuế GTGT 9.860 đ/lít pha chế thành 100.000 chai rượu thuốc ABC;
2. Mua 16.000 chai rượu trái cây nhập khẩu của Cty XNK, giá chưa thuế GTGT 85.600đ/chai.
3. Bán cho nhà hàng Phong Lan 30.000 chai rượu thuốc ABC với giá chưa thuế GTGT 80.000đ/chai và bán 4.000 chai rượu trái cây với giá chưa thuế GTGT 98.000đ/chai.

Yêu cầu: Tính thuế TTĐB C.ty ABC phải nộp?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế TTĐB rượu 40 độ là 45%, rượu trái cây và rượu thuốc 25%.
- Thuế suất thuế nhập khẩu rượu 65%.
- Công ty ABC có chứng từ chứng minh C.ty Chợ Lớn đã nộp đầy đủ thuế TTĐB đối với rượu bán cho công ty ABC.

Bài tập 6: Nhà hàng Hoa Hồng có doanh số bán tháng 8/200n như sau:

1. Thức ăn do nhà hàng chế biến: doanh số chưa thuế GTGT 522 trđ.
2. Rượu: rượu Brandy 860 chai, giá bán chưa thuế GTGT 0,6 trđ/chai; rượu trái cây 616 chai, giá bán chưa thuế GTGT 75.000 đ/chai.
3. Bia lon: 900 thùng, giá bán chưa thuế GTGT 240.000 đ/thùng.
4. Nước ngọt: 160 thùng, giá bán chưa thuế GTGT 95.000 đ/thùng.
5. Karaoke, massage: doanh số chưa thuế GTGT 676 trđ.
6. Vũ trường: doanh số chưa thuế GTGT 392 trđ, trong đó bán 60 chai rượu Brandy với giá chưa thuế GTGT 0,8 trđ/chai.

Yêu cầu: Tính thuế TTĐB nhà hàng Hoa Hồng phải nộp trong tháng 8.200n?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế TTĐB: rượu Brandy 45%; rượu trái cây 25%; bia lon 45%; karaoke, massage 30%; vũ trường 40%.
- Rượu Brandy bán trong tháng 8.200n được nhập khẩu vào tháng 6.200n.
- Rượu trái cây được mua từ công ty BQ.
- Bia lon được mua từ công ty sản xuất bia SG.

Bài tập 7: Trích tài liệu tại doanh nghiệp thương mại X, trong tháng 5.200n có tình hình sau:

1. Nhập khẩu 1.000 cây thuốc lá, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán quy ra tiền Việt Nam: 40.000 đ/SP (giá CIF).
2. Nhập khẩu 01 Ô tô 4 chỗ ngồi, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán quy ra tiền Việt Nam 400 trđ (giá CIF).
3. Nhập khẩu 8.000 chai rượu Brandy, giá mua tại cửa khẩu nhập đầu tiên của Việt Nam theo hóa đơn thương mại và hợp đồng mua bán quy ra tiền Việt Nam: 120.000 đ/SP (giá CIF).
4. Doanh thu từ kinh doanh Karaôkê chưa bao gồm thuế GTGT: 598 trđ.
5. Doanh thu từ kinh doanh nhà hàng chưa bao gồm thuế GTGT: 900 trđ, trong đó: bán 800 cây thuốc lá nhập khẩu với giá chưa thuế GTGT 190.000 đ/cây, bán 600 chai rượu Brandy nhập khẩu với giá chưa thuế GT 580.000 đ/chai.
6. Mua 1.000 chai rượu R&B từ doanh nghiệp sản xuất để xuất khẩu, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT 80.000 đ/chai. Tuy nhiên, trong 1.000 chai rượu này: chỉ xuất khẩu được 900 chai rượu với giá FOB 150.000 đ/chai, 100 chai rượu còn lại đã bán trong nước với giá bán chưa thuế GTGT 174.900 đ/chai.
7. Mua 1.500 chai rượu T&T từ doanh nghiệp thương mại để xuất khẩu, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT 70.000 đ/chai. Tuy nhiên, trong 1.500 chai rượu này: DN A chỉ xuất khẩu được 1.000 chai rượu với giá 130.000 đ/chai, bán trong nước 200 chai với giá bán chưa thuế GTGT 120.000 đ/chai, số rượu còn lại đã nhập kho.

Yêu cầu: Xác định thuế tiêu thụ đặc biệt doanh nghiệp X phải nộp trong tháng 5.200n?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế nhập khẩu thuốc lá điều 100%, rượu 65%, Ôtô 83%.
- Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt: thuốc lá điều 65%; Ôtô 50%; Karaôkê 30%; rượu Brandy, rượu R&B và rượu T&T: 45%

Bài tập 8: Trích tài liệu tại doanh nghiệp X chuyên sản xuất rượu thuốc, trong năm 200n có tình hình sau:

1. Bán cho công ty thương mại 90.000 chai rượu thuốc, giá bán chưa thuế GTGT 79.200 đ/chai.
2. Giao đại lý 80.000 rượu thuốc, đại lý bán đúng giá theo hợp đồng với doanh nghiệp X theo giá chưa bao gồm thuế GTGT là 80.400 đ/chai; hoa hồng đại lý 5% trên giá bán chưa thuế GTGT.
3. Xuất khẩu 50.000 chai rượu thuốc, giá bán tại cửa khẩu Việt Nam quy ra tiền Việt Nam là 80.000 đ/chai.
4. Bán cho các doanh nghiệp khu công nghiệp 20.000 chai rượu thuốc, giá bán chưa thuế GTGT 79.800 đ/chai.
5. Bán lẻ 30.000 chai rượu thuốc, giá bán chưa thuế GTGT 81.000 đ/chai.

Yêu cầu: Xác định thuế TTĐB mà doanh nghiệp X phải nộp trong 200n?

Tài liệu bổ sung:

- Trong năm 200n doanh nghiệp X nhập khẩu 200.000 lít rượu trên 40 độ, giá CIF quy ra tiền Việt Nam 4.000 đ/lít. Doanh nghiệp X dùng 160.000 lít rượu trên 40 độ này để sản xuất 320.000 chai rượu thuốc cùng dung tích.
- Trong năm 200n doanh nghiệp X mua 360.000 vỏ chai, có hoá đơn GTGT, giá chưa thuế GTGT 8.000 đ/vỏ. Doanh nghiệp X dùng 320.000 vỏ chai này để sản xuất 320.000 chai rượu thuốc.
- Đến 31/12/200n, đại lý quyết toán đã tiêu thụ được 90% số lượng rượu thuốc; số lượng rượu thuốc chưa tiêu thụ đại lý đã xuất trả cho doanh nghiệp X.
- Số lượng rượu thuốc tồn kho đầu năm 200n: 0 chai.
- Số lượng rượu trên 40 độ tồn kho đầu năm 200n: 0 lít.
- Thuế suất thuế nhập khẩu rượu trên 40 độ: 65%.
- Thuế suất thuế TTĐB:
 - + Rượu trên 40 độ: 45%
 - + Rượu thuốc: 25%
- Thuế suất thuế GTGT đối với rượu: 10%.
- Doanh nghiệp X đã nộp đầy đủ các loại thuế khâu nhập khẩu.

Bài tập 9: Trích tài liệu tại Công ty X sản xuất hàng tiêu dùng thuộc diện chịu thuế TTĐB, trong tháng 8. 200n có tình hình như sau:

1. Bán cho công ty TNHH A 100 chai rượu, giá bán chưa có thuế GTGT là 198.650 đ/chai.
2. Bán cho khu công nghiệp 200 chai rượu, giá bán chưa có thuế GTGT là 194.300 đ/chai. Khi nhận hàng khu công nghiệp phát hiện và trả lại 20 chai rượu kém phẩm chất.
3. Xuất khẩu 5.000 chai rượu, giá FOB quy ra tiền Việt Nam là 220.000 đ/chai.

4. Bán cho khu chế xuất 100 chai rượu, giá bán tại cổng khu chế xuất là 200.000 đ/chai.
6. Bán qua hệ thống siêu thị 10.000 chai rượu, giá bán chưa có thuế GTGT là 195.750 đ/chai.
7. Giao cho đại lý của công ty 20.000 chai rượu, giá bán quy định cho đại lý chưa có thuế GTGT là 195.750 đ/chai. Hoa hồng đại lý được hưởng là 10% trên giá bán chưa thuế GTGT.
8. Bán 20.000 thùng bia lon qua hệ thống cửa hàng bán lẻ, giá bán chưa có thuế GTGT là 174.000 đ/thùng; xuất kho 100 thùng bia lon để biếu tặng cho khách hàng (không theo chương trình khuyến mãi do Luật Thương mại quy định).
9. Bán 40.000 thùng bia lon qua hệ thống siêu thị, giá bán chưa có thuế GTGT là 171.100 đ/thùng.
10. Bán 20.000 cây thuốc lá điều qua hệ thống cửa hàng bán lẻ, giá bán chưa có thuế GTGT là 209.550 đ/cây; xuất kho 10.000 cây thuốc lá điều để trao đổi lấy nguyên liệu.
11. Bán 30.000 cây thuốc lá điều qua hệ thống bán buôn, giá bán chưa có thuế GTGT là 198.000 đ/cây.
12. Gia công thuốc lá điều thành phẩm cho công ty B. Phí gia công hoàn tất 1 cây thuốc lá điều chưa có thuế GTGT là 60.000 đ/cây, số lượng thuốc giá thực tế đã gia công là 2.000 cây, giá bán chưa có thuế GTGT của thuốc lá điều thành phẩm sau khi gia công của công ty B là 198.000 đ/cây.
13. Bán cho công ty Xuất nhập khẩu C 5.000 cây thuốc lá điều theo đúng số lượng trên hợp đồng xuất khẩu mà công ty Xuất nhập khẩu C đã ký với nước ngoài, giá bán chưa có thuế GTGT là 200.000 đ/cây (thuốc lá thuộc diện chịu thuế). Tuy nhiên, Công ty C chỉ xuất khẩu được 4.500 cây thuốc lá.

Yêu cầu: Tính thuế TTĐB Công ty X phải nộp trong tháng 8.200n?

Tài liệu bổ sung:

- Trong tháng 8.200n, công ty X nhập khẩu 25.000 lít rượu nguyên liệu, thuế TTĐB đã nộp cho toàn bộ nguyên liệu rượu nhập khẩu là 250.000.000 đồng, mỗi chai rượu thành phẩm sử dụng 0,5 lít rượu nguyên liệu.
- Trong tháng 8.200n, công ty X đã sản xuất 50.000 chai rượu thành phẩm.
- Rượu nguyên liệu và rượu thành phẩm tồn kho đầu tháng 8.200n: 0.
- Thuế suất thuế TTĐB: rượu 45%, bia lon 45%, thuốc lá điều 65%.
- Công ty X đã nộp đầy đủ thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt khi nhập khẩu.
- Cuối tháng 8.200n, đại lý quyết toán đã tiêu thụ 90% chai rượu được giao, số lượng rượu chưa tiêu thụ đại lý đã xuất trả Công ty X.
- Công ty X sản xuất rượu, bia lon và thuốc lá điều.

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bài tập 10: Trích tài liệu tại công ty thương mại X, trong tháng 8.200n có tình hình kinh doanh như sau:

I. TÌNH HÌNH TỒN KHO VÀ MUA VÀO TRONG THÁNG:

Mặt hàng	Tồn kho đầu kỳ		Mua vào trong kỳ	
	Số lượng	Đơn giá chưa thuế GTGT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế GTGT
SP A	80	100.000 đ	500	110.000 đ
SP B	50	80.000 đ	600	85.000 đ
SP C	90	20.000 đ	800	21.000 đ
SP D	30	19.000 đ	100	20.000 đ

Ngoài ra, trong tháng công ty X còn có mua một số vật tư và dịch vụ phục vụ cho việc bán hàng:

- Có hoá đơn GTGT: giá mua đã có thuế GTGT 33 trđ.
- Có hóa đơn GTGT tự in: giá mua đã có thuế GTGT 22 trđ.
- Có hoá đơn Bán hàng: giá mua 10 trđ.

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ TRONG THÁNG:

Mặt hàng	Số lượng	Đơn giá chưa thuế GTGT
SP A	520	150.000 đ
SP B	630	120.000 đ
SP C	840	40.000 đ
SP D	110	35.000 đ

Yêu cầu: Xác định thuế GTGT mà công ty thương mại X phải nộp trong tháng 8.200n?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế GTGT các hàng hóa, dịch vụ 10%.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào đều có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Bài tập 11: Trích tài liệu tại doanh nghiệp sản xuất X, trong tháng 8.200n có tình hình như sau:

I. TÌNH HÌNH MUA VÀO VÀ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG THÁNG:

Mặt hàng	Tồn kho đầu kỳ		Mua vào trong kỳ		Tồn kho cuối kỳ
	Số lượng	Đơn giá chưa thuế GTGT	Số lượng	Đơn giá chưa thuế GTGT	Số lượng
Nguyên liệu A	40 kg	50.000 đ	200 kg	60.000 đ	20 kg

Nguyên liệu B	30 kg	55.000 đ	300 kg	62.000 đ	10 kg
Vật liệu phụ C	20 kg	20.000 đ	250 kg	25.000 đ	12 kg

Ngoài ra, trong tháng doanh nghiệp X còn mua vào dịch vụ và TSCĐ phục vụ cho SXKD:

- Dịch vụ: có hóa đơn GTGT, giá mua đã có thuế GTGT 44 trđ.
- Dịch vụ: có hóa đơn GTGT tự in, giá mua đã có thuế GTGT 33 trđ.
- Tài sản cố định: có hóa đơn GTGT, giá mua chưa thuế GTGT 15 trđ.

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRONG THÁNG:

Doanh nghiệp sản xuất được 1.700 SP D và đã bán 1.600 SP D với giá bán chưa thuế GTGT là 160.000 đ/SP.

Yêu cầu: Xác định thuế GTGT mà doanh nghiệp X phải nộp trong tháng 8.200n?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ 10%.
- Sản phẩm D tồn kho đầu tháng: 100 SP, giá nhập kho chưa thuế GTGT 90.000 đ/SP.
- Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào đều có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Bài tập 12: Trích tài liệu của doanh nghiệp X chuyên đánh bắt chế biến thủy sản, trong tháng 10.200n có tình hình sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TRONG THÁNG:

Trong kỳ đánh bắt được 100 tấn thủy sản và sử dụng vào các mục đích sau:

- Dùng 50 tấn thủy sản để sản xuất nước chấm và bán hết số nước chấm này với giá bán chưa thuế GTGT là 500 trđ.
- Dùng 30 tấn thủy sản phơi khô, chế biến thành sản phẩm thủy sản ăn liền và đã bán hết số sản phẩm này với giá bán chưa thuế GTGT là 600 trđ.
- Dùng 20 tấn thủy sản phơi khô và xuất khẩu với tổng số tiền theo giá FOB 20.000 USD.

II. TÌNH HÌNH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO TRONG THÁNG:

- Phục vụ sản xuất nước chấm, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế là 200 trđ.
- Phục vụ sản xuất thủy sản ăn liền, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế là 220 trđ.
- Phục vụ xuất khẩu, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế là 140 trđ.

Ngoài ra, có một số dịch vụ mua vào dùng chung cho những hoạt động trên nhưng không hạch toán riêng được, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT 100 trđ.

Yêu cầu: Xác định số thuế GTGT doanh nghiệp X phải nộp trong tháng 10.200n?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế GTGT nước chấm, thủy sản ăn liền, hàng hóa, dịch vụ mua vào: 10%.
- Tỷ giá hối đoái 17.000 VND/USD.

- Hàng hóa, dịch vụ mua vào đều có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Bài tập 13: Trích tài liệu tại Công ty thương mại sản xuất X, trong tháng 3.200n có tình hình như sau:

I. TÌNH HÌNH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO TRONG THÁNG:

1. Nhập khẩu 01 Ô tô 4 chỗ với giá CIF quy ra tiền Việt Nam 400 trđ/Ô tô.
2. Mua 300 tấn gạo trong nước, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT 12 trđ/tấn.
3. Mua 10 tấn dứa tươi từ nông dân, có bảng kê mua hàng, với giá mua 3.000 đ/kg.
4. Mua 8.000 gói trà, có hóa đơn Bán hàng với giá mua 10.000 đ/gói.
5. Hàng hóa, dịch vụ khác mua vào, có hóa đơn GTGT, giá mua chưa thuế 200 trđ.

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ TRONG THÁNG:

1. Xuất khẩu 280 tấn gạo, với giá CIF quy ra tiền Việt Nam là 19 trđ/tấn.
2. Xuất khẩu 4 tấn dứa tươi, với giá FOB 6.000 đ/kg.
3. Công ty dùng 6 tấn dứa còn lại vào sản xuất 4.000 hộp Dứa đóng hộp, và bán được 3.500 hộp với giá bán chưa thuế GTGT là 15.000 đ/hộp.
4. Xuất khẩu 7.000 gói trà, với giá FOB quy ra tiền Việt Nam 18.000 đ/gói.

Yêu cầu: Xác định thuế GTGT mà công ty X phải nộp trong tháng 3.200n ?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế nhập khẩu Ô tô 4 chỗ ngồi: 83%.
- Công ty X đã nộp đầy đủ các loại thuế ở khâu nhập khẩu.
- Thuế suất thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ, Ô tô: 10%.
- Thuế suất thuế TTĐB Ô tô 4 chỗ: 50%.
- Công ty X hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước - xuất trước
- Tình hình tồn kho đầu 3.200n :
 - + Gạo: 10 tấn, có hóa đơn GTGT với giá nhập kho chưa thuế GTGT 11 trđ/tấn.
 - + Trà: 200 gói, có hóa đơn Bán hàng với giá nhập kho 9.000 đ/gói.
 - + Dứa đóng hộp, giá nhập kho 5.000 đ/hộp.
 - + Dứa tươi: 0 kg
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào đều có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Bài tập 14: Trích tài liệu của Công ty cổ phần X chuyên sản xuất SP E, trong năm 200n có tình hình sau:

I. TÌNH HÌNH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO TRONG NĂM (chưa bao gồm hoa hồng trả cho đại lý):

1. Mua 70.000 sản phẩm B, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT là 15.000 đ/SP.
2. Mua 40.000 sản phẩm C, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT 8.000 đ/SP.
3. Mua 70.000 sản phẩm A từ doanh nghiệp trong khu công nghiệp, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT 10.000 đ/SP.

4. Nhập khẩu 01 TSCĐ, giá CIF quy ra tiền Việt Nam là 300 trđ.
5. Mua vật tư, có hoá đơn Bán hàng với giá mua là 10 trđ.
6. Mua một số dịch vụ, có hóa đơn GTGT với giá mua chưa thuế GTGT là 80 trđ.

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRONG NĂM:

1. Bán cho Công ty thương mại H 32.000 SP E với giá bán chưa thuế GTGT là 60.000 đ/SP, tuy nhiên công ty thương mại H đã trả về 2.000 SP E do không đạt chất lượng. Công ty thương mại H chỉ thanh toán tiền cho 20.000 SP tại thời điểm giao hàng, số còn lại sẽ thanh toán vào tháng 2 năm 200(n+1).
2. Giao đại lý 40.000 SP E, đại lý bán đúng giá theo hợp đồng với công ty theo giá chưa bao gồm thuế GTGT là 70.000 đ/SP; hoa hồng cho đại lý là 5% trên giá bán chưa thuế GTGT.
3. Xuất khẩu 20.000 SP E theo giá bán tại cửa khẩu Việt Nam quy ra tiền Việt Nam là 75.000 đ/SP (giá FOB).
4. Bán lẻ 10.000 SP E với giá bán chưa thuế GTGT là 69.000 đ/SP.

Yêu cầu : Xác định số thuế GTGT mà công ty X phải nộp trong năm 200n?

Tài liệu bổ sung:

- TSCĐ, SP A, SPB, SP C, SP E và dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.
- Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa và dịch vụ: 10%.
- Thuế suất thuế nhập khẩu sản phẩm A là 30%, TSCĐ là 20%. Công ty X đã nộp đầy đủ các loại thuế ở khâu nhập khẩu.
- Đến 31/12/200n, đại lý quyết toán đã tiêu thụ được 90% số lượng sản phẩm E, số sản phẩm E còn thừa đại lý đã xuất trả công ty X; đại lý áp dụng phương pháp tính GTGT thuế khấu trừ; 5% hoa hồng đại lý được hưởng chưa bao gồm thuế GTGT; Công ty X đã thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý theo số lượng sản phẩm đại lý đã tiêu thụ.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào đều thanh toán qua ngân hàng.
- Trong số dịch vụ mua vào có 01 hóa đơn GTGT phát sinh ngày 14/03/200n nhưng công ty X đã bỏ sót chưa kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong tháng 03/200n đối với hóa đơn này, mãi đến tháng 25/09/200n công ty X mới phát hiện được sai sót này, doanh số mua vào chưa thuế GTGT của hóa đơn này là 40 trđ, thuế suất 10% (dịch vụ này chưa tính vào phần I).

Bài tập 15: Trích tài liệu của Công ty sản xuất ô tô Cửu Long có các hoạt động kinh doanh như sau:

1. Nhập khẩu thép: CIF = 6.600 trđ, trong đó I&F = 440 trđ. Cty Cửu Long dùng toàn bộ thép NK này sản xuất được 100 chiếc khung ô tô 12 chỗ rồi tiêu thụ như sau:
 - Bán cho C.ty Hồng Hà 20 chiếc, giá chưa thuế GTGT 120 trđ/chiếc.
 - 80 chiếc khung còn lại, Cty Cửu Long lắp ráp thành 80 chiếc ô tô 12 chỗ hoàn chỉnh và tiêu thụ như sau:
 - + Bán cho Cty thương mại Bến Thành 30 chiếc, giá bán chưa thuế GTGT 900 trđ/chiếc.
 - + Xuất khẩu 25 chiếc, CIF = 980 trđ/chiếc, trong đó I&F = 10% CIF.
2. Nhập khẩu 200 chiếc ô tô 4 chỗ, FOB = 600 trđ/chiếc, I&F = 15% FOB; C.ty Cửu Long bán 120 chiếc ô tô nhập khẩu này cho C.ty Thương mại An Đông với giá chưa thuế GTGT 1.800 trđ/chiếc.

Yêu cầu: Tính thuế nhập khẩu, thuế TTĐB và thuế GTGT đầu ra của C.ty Cửu Long?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất: thuế xuất khẩu ô tô: 0%,
- Thuế suất thuế nhập khẩu thép: 5%; ô tô: 83%.
- Thuế suất thuế TTĐB ô tô 12 chỗ: 30%; ô tô 4 chỗ: 50%; thuế suất thuế GTGT 10%.

Bài tập 16: Trích tài liệu của C.ty X sản xuất kinh doanh: đường, muối iốt, nước chấm và rượu có tình hình tháng 2.200n như sau:

1. Nhập khẩu: hương liệu để sản xuất rượu 500 trđ (CIF)

2. Mua trong nước:

- Hóa chất tẩy trắng đường, hóa đơn GTGT, thanh toán qua ngân hàng như sau:

Giá chưa thuế GTGT	90.000.000 đ
Thuế GTGT (5%)	4.500.000 đ
Giá thanh toán	94.500.000 đ

- Hương liệu để pha chế các loại nước chấm, hóa đơn GTGT, thanh toán bằng tiền mặt:

Giá chưa thuế GTGT	120.000.000 đ
Thuế GTGT (10%)	12.000.000 đ
Giá thanh toán	132.000.000 đ

- Vỏ chai và bao bì:

+ Bao bì cho đường, hóa đơn Bán hàng, giá thanh toán 100 trđ

+ Hộp giấy cho muối, hóa đơn GTGT:

Giá chưa thuế GTGT	100.000 hộp * 20 đ/h
	2.000.000 đ
Thuế GTGT (10%)	200.000 đ
Giá thanh toán	2.200.000 đ

- + Chai đựng rượu, hóa đơn Bán hàng:

100.000 chai * 1.200 đ/chai = 120.000.000 đ.

- + Chai đựng nước chấm, hóa đơn Bán hàng:

200.000 chai * 200 đ/chai = 40.000.000 đ.

- Mua mía của nông dân: 800 trđ (có bảng kê mua hàng).

- Mua muối của những người làm muối: 930 trđ (có bảng kê mua hàng).

- Tiền điện, điện thoại và văn phòng phẩm, hóa đơn GTGT đầy đủ, với giá chưa thuế GTGT tổng cộng là 14 trđ

3. Tiêu thụ hàng hóa:

- Xuất khẩu:

+ 10.000 chai nước chấm, giá CIF 20.000 đ/chai.

+ 100.000 hộp muối iốt, giá FOB 2.000 đ/hộp.

- Tiêu thụ trong nước:

+ 1.200 chai rượu, giá chưa thuế GTGT 40.000 đ/chai.

+ 10.000 chai nước chấm, giá chưa thuế GTGT 5.000 đ/chai.

Yêu cầu: Tính các loại thuế C.ty chế biến thực phẩm phải nộp trong tháng 2.200n?

Tài liệu bổ sung:

- I&F của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đều là 10% FOB.
- Thuế suất thuế nhập khẩu hương liệu 6%.
- Thuế suất thuế xuất khẩu các mặt hàng 0%.
- Thuế suất thuế TTĐB rượu 25%.
- Thuế suất thuế GTGT hương liệu, dịch vụ chịu thuế GTGT 10%; riêng thuế suất thuế GTGT hàng hóa xuất khẩu 0%.

Bài tập 17: Trích tài liệu tại một công ty X sản xuất hàng tiêu dùng thuộc diện chịu thuế GTGT, trong năm 200n có tình hình sản xuất kinh doanh như sau:

I. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRONG NĂM:

1. Bán cho công ty T/T 10.000 sản phẩm A, giá bán chưa có thuế GTGT là 100.000 đ/SP (đã viết hóa đơn GTGT và giao toàn bộ hàng nhưng mới chỉ thu được 50% tiền bán lô hàng này).
2. Bán cho hệ thống siêu thị 30.000 sản phẩm A, giá bán chưa có thuế GTGT là 105.000 đ/SP.
3. Giao cho hệ thống đại lý 30.000 sản phẩm A và 35.000 sản phẩm B, giá bán quy định cho đại lý chưa có thuế GTGT đối với sản phẩm A là 100.000 đ/sp; sản phẩm B là 150.000 đ/SP.
4. Bán lẻ qua hệ thống cửa hàng 50.000 sản phẩm A và 55.000 sản phẩm B, giá bán chưa có thuế GTGT sản phẩm A là 110.000 đ/SP và sản phẩm B là 160.000 đ/SP; xuất kho 1.000 sản phẩm A để trao đổi nguyên liệu, giá trao đổi trên hợp đồng trao đổi chưa bao gồm thuế GTGT là 98.000 đ/SP.
5. Ủy thác xuất khẩu 10.000 sản phẩm A, giá FOB quy ra tiền Việt Nam là 120.000 đ/sp.
6. Bán cho doanh nghiệp chế xuất 10.000 sản phẩm B để doanh nghiệp này phục vụ sản xuất, kinh doanh, giá bán tại công khu chế xuất là 170.000 đ/sp.
7. Bán cho công ty K/K 10.000 sản phẩm B, **giá bán đã bao gồm thuế GTGT** là 165.000 đ/sp (khi kiểm hàng, công ty K/K phát hiện toàn bộ lô hàng chưa phù hợp phẩm chất so với qui cách đã quy định trong hợp đồng mua bán nên công ty K/K đã lập biên bản yêu cầu công ty X giảm giá 10% theo giá bán đã có thuế GTGT. Hai bên đã ký biên bản và công ty X đã viết hóa đơn giảm giá hàng bán).
8. Bán cho công ty M/M 10.000 sản phẩm B, giá bán chưa có thuế GTGT là 150.000 đ/sp, công ty M/M đã trả lại 100 sản phẩm kém phẩm chất và viết hóa đơn trả hàng giao cho công ty bán hàng.
9. Bán trả chậm cho DNTN B/B 1.000 sản phẩm A, giá bán đã bao gồm thuế GTGT và lãi trả chậm (lãi đơn) trong thời hạn 6 tháng là 186.560 đ/SP. Lãi trả chậm 1%/tháng, tính trên giá bán đã bao gồm thuế GTGT.
10. Gia công 10.000 sản phẩm C cho công ty H/H, đơn giá gia công chưa có thuế GTGT là 5.000 đ/sp.
11. Bán 20.000 sản phẩm D giá bán 80.000 đ/sp.

II. TÌNH HÌNH MUA VÀO VÀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TRONG NĂM:

1. Nhập khẩu 10.000 sản phẩm A, giá CIF quy ra tiền Việt Nam là 50.000 đ/sp.
2. Nhập khẩu 2 tài sản cố định phục vụ sản xuất, giá CIF quy ra tiền Việt Nam là 1 tỷ đồng/1 tài sản. 01 tài sản cố định được sử dụng để sản xuất sản phẩm D. 01 tài sản sử dụng để sản xuất các sản phẩm khác.
3. Nguyên liệu, nhiên liệu mua trong thị trường nội địa để phục vụ sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả phần nguyên liệu trao đổi) có hóa đơn GTGT với giá mua chưa có thuế GTGT là 12.500.000.000 đồng. Biết

20% nguyên liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm D và 80% nguyên liệu dùng để sản xuất các sản phẩm khác.

4. Dịch vụ mua trong thị trường nội địa:

- Có hóa đơn GTGT với giá mua chưa có thuế GTGT là 2.000.000.000 đồng.
- Có hóa đơn đặc thù với giá đã có thuế GTGT là 55.000.000 đồng.
- Có hóa đơn bán hàng thông thường là 12.000.000 đồng.
- Không có hóa đơn là 50.000.000 đồng.

Công ty không thể hạch toán riêng được phần trị giá dịch vụ đã phục vụ cho sản xuất, kinh doanh sản phẩm D và phần trị giá dịch vụ đã phục vụ cho sản xuất, kinh doanh sản phẩm khác là bao nhiêu.

Yêu cầu: Tính thuế GTGT công ty X phải nộp trong năm 200n?

Tài liệu bổ sung:

- Thuế suất thuế nhập khẩu sản phẩm A, TSCĐ: 30%.
- Thuế suất thuế GTGT sản phẩm A, B, C, gia công, hàng hóa, dịch vụ mua vào 10%.
- Sản phẩm D thuộc diện không chịu thuế GTGT.
- Sản phẩm A, B, C, TSCĐ, gia công, hàng hóa, dịch vụ mua vào không thuộc diện chịu thuế TTĐB.
- Nguyên liệu, tài sản cố định có đầy đủ chứng từ nộp thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu.
- Cuối năm 200n, đại lý quyết toán đã tiêu thụ được 90% sản phẩm A và 95% sản phẩm B được giao. Số sản phẩm thừa đại lý đã xuất trả Công ty.
- Hàng hóa, dịch vụ mua trong nước đều có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Bài tập 18: Trích tài liệu tại C.ty Cổ phần C/O sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB và chịu thuế GTGT, trong tháng 3.200n có tình hình sản xuất kinh doanh như sau:

1. Bán cho hệ thống siêu thị 10.000 chai rượu C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 29.000 đ/chai; xuất 3.000 chai rượu để trao đổi lấy nguyên liệu, giá trên hợp đồng trao đổi chưa có thuế GTGT 25.000 đ/chai.
2. Bán cho khu công nghiệp 2.000 chai rượu C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 30.450 đ/chai (khu công nghiệp đã trả lại 50 chai rượu do kém phẩm chất).
3. Xuất khẩu 20.000 chai rượu C/O, giá FOB quy ra tiền Việt Nam 45.000đ/chai.
4. Bán cho khu chế xuất 10.000 chai rượu C/O, giá bán tại cổng khu chế xuất 33.350 đ/chai.
5. Giao cho hệ thống đại lý 100.000 chai rượu C/O, giá bán chưa có thuế GTGT quy định cho đại lý 30.450 đ/chai.
6. Bán lẻ 200.000 chai rượu C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 33.350 đ/chai.
7. Bán cho hệ thống siêu thị 20.000 thùng bia lon C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 189.950 đ/thùng.
8. Bán cho C.ty TNHH A 30.000 thùng bia lon C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 188.500 đ/thùng.
9. Bán lẻ 50.000 thùng bia lon C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 191.400 đ/thùng.
10. Bán cho C.ty B 20.000 cây thuốc lá điều C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 70.950 đ/cây.
11. Tiêu thụ qua hệ thống bán buôn 30.000 cây thuốc lá điều C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 69.300 đ/cây.

12. Bán cho C.ty xuất nhập khẩu C 20.000 cây thuốc lá điều C/O theo đúng số lượng trên hợp đồng mà công ty C đã ký để xuất khẩu ra nước ngoài, giá bán chưa có thuế GTGT 70.000 đ/cây. Tuy nhiên, C.ty xuất nhập khẩu C chỉ xuất khẩu 15.000 cây thuốc lá C/O này.

13. Nhận gia công thuốc lá điều cho C.ty C. Phí gia công khi hoàn thành 1 cây thuốc lá điều chưa có thuế GTGT là 30.000 đ/cây. Cuối tháng 3.200n, C.ty C/O đã gia công hoàn tất 10.000 cây thuốc lá điều và giao trả sản phẩm cho C.ty C. Biết giá bán thuốc lá điều hoàn thành này của C.ty C trên thị trường với giá chưa có thuế GTGT 59.400 đ/cây.

14. Bán lẻ 50.000 cây thuốc lá điều C/O, giá bán chưa có thuế GTGT 72.600 đ/cây.

Yêu cầu: Tính thuế GTGT, TTĐB mà C.ty C/O phải nộp trong tháng 3.200n?

Tài liệu bổ sung:

1. Thuế suất:

- Thuế GTGT: 10%.
- Thuế TTĐB rượu C/O và rượu nguyên liệu 45%; bia 45%; thuốc lá điều 65%.
- Thuế xuất khẩu: 0%.
- Thuế nhập khẩu: 25%.

2. Tồn kho đầu tháng 3.200n:

- Sản phẩm rượu, bia, thuốc lá điều: 0 đơn vị.
- Nguyên liệu: 0 đơn vị.

3. Trong tháng 3.200n:

- Nhập khẩu 400.000 lít rượu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, giá CIF quy ra tiền Việt Nam 5.000 đ/lít, mỗi chai rượu thành phẩm C/O sử dụng 1 lít rượu nguyên liệu, trong kỳ sản xuất 400.000 chai rượu C/O.
- Nhập khẩu 02 tài sản cố định phục vụ cho sản xuất, giá CIF quy ra tiền Việt Nam 200 trđ/tài sản.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước có hóa đơn GTGT với giá chưa thuế GTGT là 1 tỷ đồng.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước có hóa đơn Bán hàng thông thường là 300 triệu đồng.
- Hàng hóa mua vào trong nước có hóa đơn đặc thù với giá đã có thuế GTGT là 22 triệu đồng.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước không có hóa đơn là 13 triệu đồng.
- C.ty C/O vừa sản xuất thuốc lá điều C/O vừa gia công thuốc lá điều nhãn hiệu khác cho C.ty C.
- Các hàng hóa, dịch vụ mua vào chỉ có nguyên liệu rượu nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB.
- Cuối tháng 3.200n, đại lý báo cáo quyết toán đã tiêu thụ được 90% số rượu C/O được giao. Số rượu còn thừa đã xuất trả C.ty C/O.
- Hàng hóa, dịch vụ mua vào đều có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

Bài tập 19: Trong tháng 5.200n, C.ty thương mại Hòa Bình có tình hình kinh doanh như sau:

1/. Xuất khẩu:

- 1.1. Rượu trái cây: 200.000 lít, FOB = 56.200 đồng/lít.
- 1.2. Vải thổ cẩm: 150.000 mét, CIF = 89.600 đồng/mét (I&F = 10% FOB).

2/. Nhập khẩu:

- 2.1. Đồ chơi trẻ em: 400.000 bộ, FOB = 48.200 đồng/bộ (I&F = 10% FOB).
- 2.2. Bia lon: 600.000 lon, CIF = 2.420 đồng/lon.

3/. Mua, bán hàng hóa trong nước được thể hiện qua các hóa đơn sau đây:

HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Hòa Bình Người mua: Cty An Đông Giá chưa T.GTGT 500 trđ T.GTGT (10%) 50 trđ Giá thanh toán 550 trđ	HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Hòa Bình Người mua: Cty Đakao Giá chưa T.GTGT 640 trđ T.GTGT (10%) 64 trđ Giá thanh toán 704 trđ	HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Anh Đào Người mua: Cty Hòa Bình Giá chưa T.GTGT 400 trđ T.GTGT (10%) 40 trđ Giá thanh toán 440 trđ
HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Hòa Bình Người mua: Cty Tân Định Giá chưa T.GTGT 320 trđ T.GTGT (10%) 32 trđ Giá thanh toán 352 trđ	HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Nhà bè Người mua: Cty Hòa Bình Giá chưa T.GTGT 60 trđ T.GTGT (10%) 6 trđ Giá thanh toán 66 trđ	HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Bến Thành Người mua: Cty Hòa Bình Giá chưa T.GTGT 1.200 trđ T.GTGT (10%) 120 trđ Giá thanh toán 1.320 trđ
HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Thị Nghè Người mua: Cty Hòa Bình Giá chưa T.GTGT 800 trđ T.GTGT (10%) 80 trđ Giá thanh toán 880 trđ	HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Hòa Bình Người mua: Cty Chợ Lớn Giá chưa T.GTGT 1.100 trđ T.GTGT (10%) 110 trđ Giá thanh toán 1210 trđ	HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Hòa Bình Người mua: Cty Gia Định Giá chưa T.GTGT 1.620 trđ T.GTGT (5%) 81 trđ Giá thanh toán : 1.701 trđ
HÓA ĐƠN BÁN HÀNG Người bán: Cơ sở Hoa Mai Người mua: Cty Hòa Bình Giá thanh toán 120 trđ	HÓA ĐƠN ĐẶC THÙ Người bán: Cty Bông Sen Người mua: Cty Hòa Bình Giá thanh toán 210 trđ	HÓA ĐƠN GTGT Người bán: Cty Hòa Bình Người mua: Cty Bảy Hiền Giá chưa T.GTGT T.GTGT (10%) Giá thanh toán :